ENGLISH 4

UNIT 11: WHAT TIME IS IT ?

LESSON 2

I.NEW WORDS

- get up	: thức dậy
- have breakfast	: ăn sáng
- go to school	: đi học
- have dinner	: ăn tối
- go to bed	: đi ngủ
- daily activities	: các hoạt động hàng ngày

LIVEWORKSHEETS